Lesson Sheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Talking About My Age and Hometown

• Học sinh có thể hỏi và trả lời về số tuổi và nơi ở bằng tiếng Anh.

• Học sinh sử dụng thành thạo số đếm từ 1 đến 15 và cấu trúc 'I live in...'.

Grammar: Asking and Answering About Age and Location

Để hỏi tuổi, ta dùng cấu trúc 'How old are you?' và trả lời 'I am + [số tuổi] + years old.' Để nói về nơi ở, ta dùng 'I live in + [địa danh].'

How old are you? -> I am + [number] + years old. / Where do you live? -> I live in + [place].

Khởi động và ôn luyện số đếm tuổi · 10 phút
Học sinh đếm số từ 1 đến 15, nghe phát âm và nối số tuổi với cách viết chữ tiếng Anh.

Tìm hiểu ngữ pháp hỏi tuổi và đọc bài về quê hương Linh · 15 phút
Học sinh đọc đoạn văn của Linh, tìm các câu miêu tả quê hương và vị trí ngôi nhà gần biển.

Luyện nghe đối thoại và thực hành phỏng vấn bạn · 10 phút
Học sinh nghe cuộc trò chuyện giữa Tom và Linh, sau đó hỏi bạn cùng bàn về tuổi và nơi ở.

Viết đoạn văn ngắn về nơi ở và làm trắc nghiệm kiểm tra · 10 phút
Học sinh viết 3 câu giới thiệu bản thân vào vở và hoàn thành 8 câu hỏi kiểm tra nhanh.

Vocabulary Worksheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

city /ˈsɪti/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

live /lɪv/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

hometown /ˈhəʊmtaʊn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

years /jɪəz/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

near /nɪə(r)/ (preposition)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

beach /biːtʃ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

quiet /ˈkwaɪət/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

beautiful /ˈbjuːtɪfl/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Asking and Answering About Age and Location

How old are you? -> I am + [number] + years old. / Where do you live? -> I live in + [place].

Choose the correct question to ask someone's age:
A. How many years you are?
B. How old are you?
C. Where are you old?

Complete the sentence: 'I live _____ Hanoi.'
A. at
B. in
C. on

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Linh's Hometown by the Sea

Hi everyone! I am Linh. I am ten years old. I come from Da Nang, a beautiful coastal city in Vietnam. Da Nang has sunny beaches and high bridges. My house is near the sea, so I hear the waves every day. My father is an engineer, and my mother is a doctor. At the weekend, we ride our bicycles along the river. I love my hometown very much because people here are friendly.

Where does Linh come from according to the text?
A. Hanoi
B. London
C. Da Nang

What do Linh and her parents do at the weekend?
A. They ride bicycles along the river.
B. They swim in the school pool.
C. They visit an engineer in the hospital.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

A Chat About Age and Hometown

Lần nghe 1: Nghe để xác định tuổi của hai bạn Tom và Linh.
Lần nghe 2: Nghe để biết thành phố quê hương của từng bạn được nhắc đến trong đoạn hội thoại.

How old is Tom in the listening audio?
A. Eight years old
B. Nine years old
C. Ten years old

Where does Tom live?
A. In London
B. In Da Nang
C. In Paris

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Write a short paragraph (20-40 words) about your age and where you live.

Độ dài tham khảo: 20–40 từ.

• Câu 1: Giới thiệu tên và tuổi.

• Câu 2: Giới thiệu nơi em đang sinh sống.

• Câu 3: Một đặc điểm em thích ở nơi đó.

Checklist

¡Viết hoa tên thành phố và quốc gia.

¡Dùng đúng cấu trúc 'I live in...'.

¡Đoạn văn đủ từ 20 đến 40 từ.

Speaking Card

A1 · Week 1 · Session 2 · a1-w01-s2 · v1 draft

Practice talking about your age and where you live with a partner.

How old are you?

Where do you live?

Is your hometown big or small?

Bố mẹ quan sát

¡Phát âm chính xác số đếm tuổi và tên thành phố/địa phương.
¡Nói tròn câu có chủ ngữ và vị ngữ đầy đủ ('I am nine years old', 'I live in...').

Từ vựng gợi ý

city · live · hometown · years · near · beach · quiet · beautiful